

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 142/2018/HS-PT
Ngày 26 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình.

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2018/HSPT ngày 20/3/2018 đối với bị cáo Phạm Văn D về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 02/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn D**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 07/8/1999; Nơi sinh: huyện D, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Phạm Đình H, sinh năm 1976; con bà Trần Thị T, sinh năm 1980. Hiện đang sinh sống tại thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 37 ngày 28/9/2017 của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện Buôn Đôn (có mặt).

- Người bị hại: Ông Nguyễn Đôn B, sinh năm 1968;

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đôn B và bà Phạm Thị Hoa C, cùng trú tại thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk là hàng xóm của nhau. Trong quá trình sinh sống giữa hai gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã và chửi bới lẫn nhau.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/9/2017, ông B và bà C tiếp tục phát sinh mâu thuẫn cãi nhau phía trước nhà giáp ranh giữa 02 gia đình. Nghe tiếng ồn ào nên Nguyễn Thành Q và Nguyễn Thành C (là con trai ông B); Trần Đức T, Phạm Đình H, Phạm Văn D (là con, em và cháu bà C) từ trong nhà ra chứng kiến vụ việc và can ngăn. Trong lúc tranh cãi, xô xát, bà C dùng mũ bảo hiểm đánh vào người ông B thì Nguyễn Thành Q chạy đến can ngăn thì bị bà C dùng mũ bảo hiểm đánh vào người Q nhưng không bị thương tích gì. Do thấy ông B và chị mình xảy ra xô xát nên ông Phạm Đình H đến kéo bà C về nhà thì bị ông B dùng tay đánh một cái vào mặt; tức giận vì bị đánh nên ông H lấy 01 chiếc cuốc có sẵn trong khuôn viên nhà bà C với mục đích dùng đánh lại, nhưng trong lúc giằng co, xô đẩy với ông B đã làm chiếc cuốc rơi ra trên đường liên thôn. Lúc này, Phạm Văn D là con của Phạm Đình H thấy vậy liền chạy đến nhặt chiếc cuốc bị rơi ra trước đó và dùng bả một cái từ trên xuống dưới trúng vào đầu của ông B gây thương tích; bị thương tích nên ông B được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa thành phố B sau đó chuyển đến bệnh viện tỉnh Đắk Lắk để điều trị.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ án: Cố ý gây thương tích, là trên đoạn đường liên thôn, trước cổng nhà bà Phạm Thị Hoa C thuộc thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk. Tại hiện trường phát hiện 01 chiếc cuốc cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 1103/PY-TgT ngày 08/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Ông Nguyễn Đôn B bị 01 vết thương đầu, chấn động não tỷ lệ thương tích 08% vật tác động cứng, sắc cạnh và 01 vết thương thành bụng phải tỷ lệ thương tích 02% vật tác động cứng tày. Tổng tỷ lệ thương tích 10%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn D** phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng khoản 1 Điều 104, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/02/2018, bị cáo Phạm Văn D kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn D về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo có trình bày đã tác động gia đình đến nhà người bị hại để bồi thường nhưng bị hại không nhận, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo không xem xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là thiếu sót và bất lợi cho bị cáo, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chỉ thừa nhận là dùng cuộc quơ ngang đánh trúng ông B. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy xác nhận có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo có bồi thường thiệt hại nhưng người bị hại không nhận. Do vậy, có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn về hình phạt. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Phạm văn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Văn D tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài

liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/9/2017, tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk, khi thấy ông H (bố bị cáo) can ngăn ông B và bà C cãi nhau thì bị ông B dùng tay đấm vào mặt, lúc này Phạm Văn D nhìn thấy nên bức tức và đã có hành vi dùng cuốc đánh vào đầu ông Nguyễn Đôn B gây thương tích 08%. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn D về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tác động gia đình đến gặp người bị hại để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, nhưng gia đình người bị hại không nhận, điều đó thể hiện bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại. Đồng thời, nguyên nhân xảy ra sự việc bị cáo gây thương tích cho ông B là do ông B vô cớ đánh bố bị cáo trước nên bị cáo bức tức và đã có hành vi gây thương tích, nên cần áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chỉ thừa nhận dùng cuốc quơ ngang trúng đầu ông B, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặc dù được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù của Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với mức độ hành vi và hậu quả bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Phạm Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D, sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, đ, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã B, huyện D;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung